

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Hồ Đức Quang - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 25/2019/QĐ-TA ngày 30 tháng 8 năm 2019 bao gồm những người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình sau đây:

1. Anh Lê Đăng S; sinh ngày 06/02/1964; địa chỉ: Số 249, đường V, khối phố L, phường T, TP H, tỉnh Hà Tĩnh, (có mặt tại phiên họp).

2. Chị Đào Thị Lệ X; sinh ngày 02/9/1971, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số 249, đường V, khối phố L, phường T, TP H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Cộng hòa Síp. (vắng mặt tại phiên họp- có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và tài sản, bản tự khai cũng như tại phiên họp, anh Lê Đăng S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đào Thị Lệ X đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 7 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là huyện L) tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 20 năm, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị X làm ăn thua lỗ, thất thoát kinh tế lớn, vay nhiều tiền nặng lãi nên vợ chồng cãi cọ, bất hòa. Tháng 3 năm 2017 chị X đi lao động tại Cộng hòa Síp, từ đó đến nay mỗi người có cuộc

sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy không còn tình cảm nên anh S làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Công T1, sinh ngày 18/9/1992; Lê Công T2, sinh ngày 26/7/1995 và Lê Thị Thanh T, sinh ngày 03/10/2008. Cháu T1 và T2 đã trưởng thành, còn cháu T anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với chị X.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Chị Đào Thị Lệ X trình bày bằng văn bản có nội dung giống trình bày của anh Lê Đăng S về thời gian kết hôn, thời điểm và nguyên nhân gây mâu thuẫn vợ chồng. Nay, chị xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị X khai thống nhất với anh S, vợ chồng có 03 con chung Lê Công T1, sinh ngày 18/9/1992; Lê Công T2, sinh ngày 26/7/1995 và Lê Thị Thanh T, sinh ngày 03/10/2008. Các con T1, T2 đã trưởng thành còn con chung Lê Thị Thanh T, chị đồng ý giao cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận các yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Đào Thị Lệ X hiện đang cư trú tại nước ngoài, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Hy Lạp nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Đồng thời chị có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Đào Xuân H (bố đẻ chị X). Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến

hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị X theo thủ tục chung .

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đăng S và chị Đào Thị Lệ X đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 7 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là huyện L), tỉnh Hà Tĩnh, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian tương đối dài (20 năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị X làm ăn thua lỗ, vay nhiều tiền nặng lãi, bản thân mình bỏ đi để anh S thường xuyên bị các chủ nợ quấy phá. Năm 2017 chị X đi nước ngoài, từ đó đến nay vợ chồng cắt đứt liên lạc, không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn và đều có mong muốn được ly hôn.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hiện tại cuộc hôn nhân của anh Lê Đăng S và chị Đào Thị Lệ X không đạt được mục đích đó. Anh S và chị X không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....”(Điều 55).

Như vậy, anh S và chị X đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Các cháu Lê Công T1, sinh ngày 18/9/1992; Lê Công T2, sinh ngày 26/7/1995 đã trưởng thành nên hội đồng không xem xét. Cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 03/10/2008 hiện đang sinh sống với anh Lê Đăng S, cháu có đơn nguyện vọng được ở với bố. Anh S và chị X cũng thống nhất giao cháu T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Như vậy, các bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đăng S và chị Đào Thị Lệ X.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Lê Thị Thanh T, sinh ngày 03/10/2008 cho anh Lê Đăng S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đào Thị Lệ X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Lê Đăng S (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001334 ngày 14/8/2019 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Ủy ban nhân dân huyện Lộc Hà;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Hồ Đức Quang

